TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/HN-ST
Ngày: 12-02-2026
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hơn;

2. Bà Bùi Thị Thuý Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Bùi Minh N, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Ông N có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị H, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp T, xã H, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, văn bản trình bày ý kiến, đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn ông Bùi Minh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) ngày 03/07/2006. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xung đột từ đó dẫn đến việc vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không

thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Hữu T, sinh ngày 08/12/2006 đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Phạm Thị H trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ để đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng bà H không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến và tại phiên tòa bà H vẫn tiếp tục vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Bùi Minh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt tại phiên tòa; đồng thời có đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được; còn bị đơn bà Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bà H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N, bà H.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án "Ly hôn" được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Minh N và bà Phạm Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là xã H, tỉnh Vĩnh Long) ngày 03/07/2006, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo ông N, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, cuộc sống vợ chồng thường xảy ra xung đột từ đó dẫn đến việc vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện ông và bà H đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay ông N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn với bà H.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Bùi Minh N và bà Phạm Thị H thực tế là có xảy ra và giữa hai đã có có thời gian sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Với khoảng thời gian trên cũng đủ cho ông, bà suy nghĩ lại tình cảm vợ chồng thế

nhưng cả hai cũng không tìm cho mình một biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành thông báo cho bà H đến tham gia hòa giải nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng bà H không có mặt. Tại phiên tòa, bà H tiếp tục vắng mặt. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông N và bà H là đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất nhằm đem lại tự do cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Minh N đối với bà Phạm Thị H là phù hợp theo quy định tại Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Ghi nhận ông N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Hữu T, sinh ngày 08/12/2006 đã trưởng thành nên không xét đến.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

- Về nợ chung: Ông N khai không có nên không xét đến.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Bùi Minh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1/. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Bùi Minh N đối với bà Phạm Thị H. Cụ thể tuyên:

Ông Bùi Minh N được ly hôn với bà Phạm Thị H. Ghi nhận ông N không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2/. Về con chung: Có 01 con chung tên Bùi Hữu T, sinh ngày 08/12/2006 đã trưởng thành nên không xét đến.

3/- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

4/- Về nợ chung: Ông Bùi Minh N khai không có nên không xét đến.

5/. Về án phí: Ông Bùi Minh N phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005153 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông N đã nộp đủ án phí.

6/. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND Khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *T.H.A DS Vĩnh Long;*
- *Cơ quan đăng ký kết hôn;*
- *Lưu HSVA+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Chí Hậu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Văn Hơn Bùi Thị Thúy Bắc	**Lê Chí Hậu**